

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28/11/2024

Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỪNG NHÉ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vi Văn Thụy
- Ông Vàng Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Tô Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2024/TLST- HNGĐ ngày 02/10/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/10/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Thế T, sinh năm 1973; Bản N, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị vũ Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Ngày 22/5/2014 chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Trước khi đăng ký kết hôn vợ chồng đã có thời gian tìm hiểu và yêu nhau vài năm, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, vài năm sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kết hôn nhiều năm mà không có con chung. Chị H và anh T cũng có thời gian sống ly thân. Hai vợ chồng cũng được gia đình hai bên động viên để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chỉ được một thời gian ngắn hai vợ chồng lại

bất hòa. Chị H trình bày hiện không còn tình cảm với anh T nữa, không duy trì được cuộc sống vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thế T.

Về con chung, con riêng, con nuôi: Chị H và anh T không có con chung, không có con riêng, không có con nuôi.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không có tài sản riêng, không có tài sản chung, không có công nợ chung.

Toà án đã gửi hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án (anh T có nhận và ký xác nhận); gửi hợp lệ thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (anh T có nhận và ký xác nhận); anh T được Toà án triệu tập hợp lệ đến làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, Tòa án đã thông báo về kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Tình nhưng anh T không nêu ý kiến phản hồi cho Tòa án.

Ngày 17/10/2024 Toà án xác minh tại nơi cư trú của anh Lê Thế T, kết quả như sau: Anh T vẫn có đăng ký tạm trú ở bản N, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên, hai vợ chồng vẫn sống cùng nhau, thi thoảng anh T đi làm xa vài ngày lại về. Hai vợ chồng không có con chung, không có con riêng và không có con nuôi. Quá trình chung sống chính quyền địa phương cung cấp thông tin là hai vợ chồng hay cãi lộn, mâu thuẫn, xích mích nhau.

Ngày 31/10/2024 Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử (xét xử vào ngày 22/11/2024), Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, nguyên đơn chị H có mặt, bị đơn anh T vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và thông báo mở lại phiên tòa vào ngày 28/11/2024, thông báo cũng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho các đương sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị H vắng mặt, trong đơn xin xét xử vắng mặt chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T. Về con chung, tài sản chung và công nợ chung do không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự: Chấp hành và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn chị Vũ Thị Thu H. Về án phí, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí, đề nghị nguyên đơn chị Vũ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt của các đương sự:

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H:

Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh T có phát sinh mâu thuẫn, rạn nứt tình cảm vợ chồng, quá trình chung sống hay bất đồng quan điểm, anh T đã được Toà án đã triệu tập hợp lệ để hoà giải đoàn tụ nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh T không có mong muốn hòa giải đoàn tụ gia đình. Chị H không còn yêu thương anh T, cuộc sống chung của chị H và anh T không tiếp tục duy trì được nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung, con riêng, con nuôi: Các đương sự không có con chung, không có con riêng, không có con nuôi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản riêng, tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không có tài sản riêng, không có tài sản chung, không có nợ chung.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí: Nguyên đơn chị Vũ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Vũ Thị Thu H.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị Thu H được ly hôn với anh Lê Thế T.

2. *Về con chung, con riêng, con nuôi*:

Các đương sự không có con chung, không có con riêng, không có con nuôi.

3. *Về tài sản riêng, tài sản chung và công nợ chung*: Các đương sự không có tài sản riêng, không có tài sản chung, không có công nợ chung.

4. *Về án phí*: Nguyên đơn chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0001604 ngày 01/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA (TAND tỉnh Điện Biên);
- Viện kiểm sát huyện Mường Nhé;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Mường Nhé;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Nhung